

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DSST

Ngày: 23 – 9 - 2022.

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.
2. Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký pH tòa: ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia pH tòa:

Ông Nguyễn Tất Tại. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 9 năm 2022. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T1, bà Hoàng Thị T2.

Nơi cư trú: Thôn 12, xã E1, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Hoàng P, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: 73 Y1, phường Tân Lợi, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thanh K.

Nơi cư trú: 73 Y1, phường Tân Lợi, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị T3, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 3, xã CE, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Mạnh H, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: thôn 3, xã CE, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Mạnh H: Ông Trịnh Long N

Nơi cư trú: Thôn 1B, xã CN, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Mạnh H: Luật sư Phạm Duy C. Nơi cư trú: 103 L1, thị trấn EK, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2022, tại các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết với bà Bùi Thị T3 nên vào năm 2020 gia đình ông Nguyễn Anh T1, bà Hoàng Thị T2 có cho bà Bùi Thị T3 vay 02 lần tiền cụ thể: Lần 1 ngày 15/6/2020 (âm lịch) vay tiền 326.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận vay là 2,5% /1tháng, thời hạn vay là 02 tháng; lần thứ 02 ngày 29/6/2020 (âm lịch), số tiền vay là 70.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 2,5%/01 tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Tại thời điểm vay tiền bà T3 nói vay về để đầu tư kinh tế của gia đình, trả nợ Ngân hàng. Khi vay tiền bà T3 là người viết giấy vay và ký tên vào 02 giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ gia đình ông T1, bà T2 đã đòi nhiều lần nhưng bà T3 không trả số tiền gốc và lãi đã vay cho ông T1, bà T2. Vì vậy, ông T1, bà T2 khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà Bùi Thị T3 phải có trách nhiệm trả số nợ gốc là 396.000.000đồng và tiền lãi theo mức quy định của pháp luật là 1,66%/tháng, lãi quá hạn kể từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xử vụ án. Ngoài ra, ông T1, bà T2 không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến trình bày của bị đơn bà Bùi Thị T3: Bà Bùi Thị T3 xác nhận có vay tiền của ông T1, bà T2 đúng như trong 02 giấy vay tiền mà ông T1, bà T2 cung cấp cho Tòa án đồng thời chữ ký, chữ viết của 02 giấy vay tiền ngày 15/6/2020 (âm lịch) và giấy vay tiền ngày 29/6/2020 do bà Bùi Thị T3 viết và ký tên. Tuy nhiên, thực tế gia đình bà chỉ nợ số tiền 150.000.000đồng nhưng bà T3 không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình. Đồng thời, bà T3 cho rằng khi vay số tiền này từ năm 2018 khi đó ông H (là chồng bà T3) có ký vào giấy vay tiền. Nhưng đến năm 2020 do không trả được nợ nên bà T2, ông T1 có yêu cầu bà T3 viết lại hai giấy vay tiền trên và tại thời điểm ký giấy vay tiền này ông H đang đi làm ăn xa. Do đó, bà T3 xác định số nợ này là nợ chung của ông H và bà T3. Nên đề nghị Tòa án triệu tập ông H để xác định nghĩa vụ trả nợ chung của hai vợ chồng. Vì thế, gia đình ông T1, bà T2 khởi kiện ra Tòa án bà T3 đồng ý trả số tiền tiền gốc là 150.000.000đồng và lãi phát sinh theo quy định, nhưng yêu cầu buộc cả ông H phải có trách nhiệm trả nợ vì đây là nợ chung của hai vợ chồng. Ngoài ra bà T3 không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến trình bày của ông Trịnh Long N – người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Mạnh H: Tôi đã nghe rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà T2. Việc bà T3 vay tiền của bà T2, ông T1 ông H không được biết, bởi lẽ tại thời điểm vay tiền ông H đang đi làm ăn ở Trung Quốc. Bà T3 cho rằng vay tiền về để trả nợ Ngân hàng, trả nợ tiền phân bón và lo cho cuộc sống gia đình là không đúng vì quá trình đi làm ăn ở Trung Quốc ông H vẫn gửi tiền về cho bà T3 thông qua tài khoản của bà T3 với số tiền 90.805.000đồng; hơn thế nữa trước khi đi làm ở Trung Quốc thì gia đình ông H đã có rất nhiều cây trồng đã thu hoạch như cao su, nhãn, vải. Vì vậy, ông H không đồng ý với ý kiến của bà T3 xác định đây là nợ chung của hai vợ chồng nên ông H không đồng ý phải có trách nhiệm trả nợ chung, đây là nợ riêng của bà T3. Ngoài ra ông N không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến toà án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Bùi Thị T3 phải trả số tiền gốc đã vay là 396.000.000đồng, tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi yêu cầu là 148.125.000đồng và không yêu cầu tính lãi suất quá hạn.

Ý kiến của bị đơn bà Bùi Thị T3 đồng ý trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ông T1, bà T2 và không yêu cầu ông Đặng Mạnh H cùng trả nợ số tiền này.

Ý kiến của ông Đặng Mạnh H: Ông H đồng ý với ý kiến lời trình bày của bà T3. Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với ý kiến trình bày của ông P và ông H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về pH toà sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71; Điều 72; Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ những tài liệu chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và qua phần tranh luận công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà ông T1, bà T2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa: Về số nợ bà Bùi Thị T3 phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Anh T1, bà Hoàng Thị T2 số tiền đã vay gốc là 396.000.000đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Đơn khởi kiện của ông T1, bà T2 đề ngày 04/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Bùi Thị T3 có nơi cư trú: thôn 3, xã CE, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay là 396.000.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa hôm nay bà

Bùi Thị T3 thừa nhận có vay của bà Hoàng Thị T2, ông Nguyễn Anh T1 số tiền 396.000.000đồng là đúng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định việc bà T3 vay tiền của bà T2, ông T1 là có thật. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, bà Bùi Thị T3 phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T2, ông Nguyễn Anh T1 số tiền đã vay gốc là 396.000.000đồng là có căn cứ.

[2.2] **Về lãi suất và tiền lãi:** Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Bùi Thị T3 trả lãi theo mức lãi suất là 1.66%/tháng với số tiền lãi là 148.125.000đồng, xét thấy mức lãi suất này là phù hợp và bà T3 đồng ý với mức lãi suất cũng như số tiền lãi phía nguyên đơn yêu cầu. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với ý kiến của bà T3 cho rằng số tiền đã vay của ông T1, bà T2 là nợ chung của bà T3 và ông H. Tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị T3 không yêu cầu ông H phải có trách nhiệm trả nợ cùng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến để giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên: Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, về số nợ bà Bùi Thị T3 phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị T2, ông Nguyễn Anh T1 số tiền đã vay là 396.000.000đồng và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 23/9/2022 là 148.125.000đồng, tổng cộng là 544.125.000đồng.

Từ những phân tích trên xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp; Do bà T3 thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 12; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T2, ông Nguyễn Anh T1.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: bà Bùi Thị T3 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Anh T1, bà Bùi Thị T2 số tiền đã vay gốc là 396.000.000đồng và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 23/9/2022 là 148.125.000đồng.

Tổng cộng là 544.125.000 đồng(Năm trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Bùi Thị T3 phải chịu 25.765.000đồng tiền án phí DSST có giá ngạch. Do bà Bùi Thị T3 thuộc diện hộ cận nghèo có đơn xin miễn tiền án phí nên bà T3 không phải nộp tiền án phí DSST.

Hoàn trả lại số tiền 12.220.000đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Hoàng Thị T2, ông Nguyễn Anh T1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai thu số 60AA/2021/0005795 ngày 11/01/2022.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyên